**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI ÔN TẬP HKI-**

**DỰ ÁN GIÁO ÁN MIỄN PHÍ 2022-** BỘ SGK CÁNH DIỀU

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÀI** | **HỌ VÀ TÊN** | **ĐƠN VỊ CÔNG TÁC** | **SĐT** | **CÔNG VIỆC** | |
| Ôn tập HKI | **1. Đoàn Thị Thu Phương** | Trường TH - THCS Ngô Quyền - Tiên Lữ Hưng Yên | 0835150084 | | W |
| PP |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I** |

****

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- HS trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập, giúp HS tự đánh giá kết quả học tập cuối kì I.

**2. Năng lực cần hình thành**

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

**3. Phẩm chất**

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

**2. Học sinh.**

Trả lời các câu hỏi phần Nội dung ôn tập ( Tr 119 -> 122/SGK) vào vở soạn bài.

**C. TỖ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: KHỞI ĐỘNG (5’)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi lật mảnh ghép về các tác giả văn học trong chương trình hk I

HS lật mảnh ghép và trả lời các câu hỏi.

GV kết nối với nội dung của bài ôn tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

-Chia lớp ra làm các đội chơi.

- Tổ chức trò chơi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV chỉ định đội chơi trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung ôn tập

**2. HĐ 2: Ôn tập**

**a) Mục tiêu**:

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì I.

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

\*GV kiểm tra phần chuẩn bị các câu hỏi phần Nội dung ôn tập ( Tr 119 -> 122/SGK) của HS (GV đã giao làm trước ở nhà).

**Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về văn bản, thể loại**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bảnđã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | ***Câu 1: Thống kê ra vở tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:*** |

***GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:***

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 1: Thống kê ra vở tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu loại** | **Tên văn bản đã học** |
| **Văn bản văn học** | *– Truyện ngắn*  *– Thơ* | *– Buổi học cuối cùng* |
| **Văn bản nghị luận** |  |  |
| **Văn bản thông tin** | *-* |  |

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu loại** | **Tên văn bản đã học** |
| **Văn bản văn học** | *-* Tiểu thuyết | **-** Người đàn ông cô độc giữa rừng (Trích “Đất rừng phương Nam - Đoàn Giỏi)  - Dọc đường xứ Nghệ (Trích “Búp sen xanh” - Sơn Tùng)  - Bạch tuộc (Trích “ Hai vạn dặm dưới đáy biển” - Giuyn Véc nơ)  - Nhật trình Sol 6 (Trích “ Người về từ Sao Hỏa” - En - đi Uya)  - Một tram dặm dưới mặt đất (Trích “ Cuộc du hành vào lòng đất” - Giuyn Véc nơ) |
| - Truyện ngắn | - Buổi học cuối cùng (An – phông – xơ Đô – đê)  - Bố của Xi – mông (Guy – đơ Mô – pát – xăng )  - Chất làm gỉ (Rây Bret bơ ry) |
| - Thơ | - Ông đồ(Vũ Đình Liên)  - Mẹ (Đỗ Trung Lai)  - Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh)  - Một mình trong mưa (Đỗ Bạch Mai) |
| **Văn bản nghị luận** | Nghị luận văn học | - Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng)  - Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đinh Trọng Lạc)  - Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên)  - Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương) |
| **Văn bản thông tin** | - Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi | - Ca Huế (Theo dsvh.gvo.vn)  - Hội thi thổi cơm (Theo dulichvietnam.org.vn  - Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang (Theo Phi Trường Giang)  - Trò chơi dân gian của người Khmer Nam bộ (Theo baocantho.com.vn) |

**Nhiệm vụ 2:** Củng cố tri thức về nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong  sách Ngữ văn 7, tập 1

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được nội dung chính của các văn bản đọc hiểu đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 2:** Trình bày ra vở nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong  sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau: |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 2: Trình bày ra vở nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong  sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Tên văn bản** | **Nội dung chính** |
| **Văn bản văn học** | *– Mẹ (Đỗ Trung Lai)* | *– Nỗi xúc động, bâng khuâng của tác giả khi nhìn hàng cau và nghĩ về người mẹ* |
| **Văn bản nghị luận** |  |  |
| **Văn bản thông tin** | *-* |  |

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Tên văn bản** | **Nội dung chính** |
| **Văn bản văn học** | – Người đàn ông cô độc giữa rừng (Đoàn Giỏi) | Kể về nhân vật đặc sắc – Võ Tòng |
| * Buổi học cuối cùng (An – phông – xơ Đô – đê) | Buổi học tiếng Pháp lần cuối trước khi vùng quê của chú bé  Phrăng bị nhập vào nước Phổ |
| * Dọc đường xứ Nghệ (Sơn Tùng) | Thời thơ ấu của Bác Hồ |
| * Bố của Xi – mông (Guy – đơ Mô – pát – xăng ) | Tình yêu thương, lòng đồng cảm, sự vị tha… |
| – Mẹ (Đỗ Trung Lai) | – Nỗi xúc động, bâng khuâng của tác giả khi nhìn hàng cau và nghĩ về người mẹ |
| * Ông đồ (Vũ Đình Liên) | - Kể chuyện Ông đồ viết chữ Nho để nói hộ tâm trạng đầy buồn bã, xót xa, thảng thốt đối với cả một thế hệ nhà nho sắp bị lãng quên. |
| * Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh) | Tâm sự giản dị mà thật xúc động của tác giả khi nghe tiếng gà trưa |
| * Một mình trong mưa (Đỗ Bạch Mai) | Hình ảnh con cò hay tâm sự của người mẹ vất vả nuôi con |
| * Bạch tuộc (Giuyn Véc nơ) | Trận chiến quyết liệt của đoàn thủy thủ với con bạch tuộc khổng lồ |
| * Chất làm gỉ (Rây Bret bơ ry) | Viên trung sỹ chế ra “chất làm gỉ” có thể phá hủy tất cả các vũ khí bằng kim loại để ngăn chặn chiến tranh |
| * Nhật trình Sol 6 (En - đi Uya) | Tình huống bất ngờ, éo le của viên phi công vũ trụ trong một lần lên Sao Hỏa |
| * Một trăm dặm dưới mặt đất (Giuyn Véc nơ) | Cuộc phiêu lưu thú vị của các nhân vật xuống thẳng trung tâm Trái Đất |
| **Văn bản nghị luận** | * Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng) | Phân tích những nét đặc sắc về thiên nhiên và con người trong tác phẩm “Đất rừng phương Nam” (Đoàn Giỏi) |
| * Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đinh Trọng Lạc) | Cái hay cái đẹp trong bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh |
| * Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên) | Những phân tích của tác giả Lê Phương Liên về giá trị truyện khoa học viễn tưởng của Giuyn Véc - nơ |
| * Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương) | Những nét đặc sắc trong bài thơ “Ông đồ” |
| **Văn bản thông tin** | - Ca Huế (Theo dsvh.gvo.vn) | Nêu lên các quy định của một loại hoạt động văn hóa truyền thống rất nổi tiếng ở vùng đất cố đô |
| - Hội thi thổi cơm (Theo dulichvietnam.org.vn) | Giới thiệu những luật lệ rất thú vị trong các cuộc thi nấu cơm ở nhiều địa phương khác nhau |
| - Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang (Theo Phi Trường Giang) | Giới thiệu luật lệ của một hoạt động văn hóa - thể thao cộng đồng đặc sắc mang tinh thần thượng võ |
| - Trò chơi dân gian của người Khmer Nam bộ (Theo baocantho.com.vn) | Giới thiệu cách chơi kol rất độc đáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long |

**Nhiệm vụ 3:** Củng cố tri thức về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng) trong sách Ngữ Văn 7 tập một

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những điểm cần chú ý về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 3:**Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng) trong sách Ngữ Văn 7 tập một theo mẫu sau |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 3:Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng) trong sách Ngữ Văn 7 tập một theo mẫu sau**

**Gợi ý**

*-* **Thơ bốn chữ, năm chữ**

M

+ Chú ý nhan đề, dòng thơ, số chữ, khổ thơ, cách ngắt nhịp, gieo vần, thanh bằng trắc và biện pháp tu từ có trong bài thơ

+ Hiểu được bài thơ là lời của ai? Nói về ai, về điều gì? Nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ.

+ Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm người đọc.

* **Truyện(truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng)**

**Cách đọc truyện nói chung:**

+ Nhận biết được văn bản kể chuyện gì, có những nhân vật nào, ai là người được chú ý nhất, những chi tiết nào đáng nhớ.

+ Nắm được trình tự diễn ra của các sự việc và mối quan hệ của các sự việc ấy; mở đầu và kết thúc truyện có gì đặc biệt,..

+ Nhận biết được chủ đề của truyện, chỉ ra được sự liên quan của chủ đề ấy với cuộc sống hiện nay của bản thân các em.

**Ngoài ra các em cần chú ý thêm một số yêu cầu riêng do đặc điểm mỗi thể loại**

**\*Truyện ngắn:**

+Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình,tâm lý, hành động và lời nói

+ Nhận biết được lời người kể chuyện và lời nhân vật, ngôi kể và tác dụng của ngôi kể trong truyện

**\*Tiểu thuyết:**

+ Tóm tắt được nội dung văn bản (Truyện kể lại sự kiện gì? Xảy ra trong bối cảnh nào?)

+ Nhân vật chính là ai? Nhân vật ấy được thể hiện qua những phương diện nào?

+ Truyện kể theo ngôi nào? Nếu có sự thay đổi ngôi kể thì tác dụng của việc thay đổi ấy là gì?

+ Liên hệ, kết nối với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm truyện

**\* Truyện khoa học viễn tưởng**

+ Tác giả viết về ai? Về sự kiện (đề tài) gì?

+ Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời

+ Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích?

**Nhiệm vụ 4:** Hãy nêu lên một văn bản trong sách Ngữ Văn 7, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em

**a. Mục tiêu:** Từ văn bản văn học liên hệ với thực tế đời sống

**- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 4: Hãy nêu lên một văn bản trong sách Ngữ Văn 7, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em** |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 4:Hãy nêu lên một văn bản trong sách Ngữ Văn 7, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em**

**(Hs linh hoạt lựa chọn, đưa ra ý kiến cá nhân)**

Theo em, trong sách Ngữ văn 7, tập 1, nội dung em thấy  gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân em chính là văn bản “***Hội thi thổi cơm***”(Theo dulichvietnam.org.vn) bởi văn bản này đã giới thiệu nguồn gốc, mục đích và những luật lệ rất thú vị trong các cuộc thi nấu cơm ở nhiều địa phương khác nhau, giúp em hiểu thêm về lịch sử, về những lễ hội xa xưa của cha ông ta lưu truyền qua nhiều thế hệ,  nhằm tôn vinh những nét đẹp của văn hoá dân tộc, của nghề trồng lúa nước. Qua đó, văn bản cũng góp phần nhắc nhở ý thức trách nhiệm của mỗi chúng ta đặc biệt là thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc trong quá trình toàn cầu hội nhập.

**Nhiệm vụ 5:** Củng cố tri thức đã học về rèn kĩ năng viết đoạn văn.

**a. Mục tiêu:**

- **Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 7, tập một**

- **Nắm được các bước tiến hành viết một văn bản** và nhiệm vụ của từng bước

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập từ câu 5 đến câu 7  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn học sinh thực hiện kĩ thuật khăn phủ bàn  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 5:**Thống kê ra vở tên và yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:  **Câu 6:**Nêu các bước tiến hành viết một văn bản theo thứ tự trước sau, chỉ ra nhiệm vụ của mỗi bước  **Câu 7:**Nêu một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi ( Gợi ý: về mục đích, nội dung, hình thức, lời văn…) |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 5:Thống kê ra vở tên và yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên kiểu văn bản** | **Yêu cầu cụ thể** |
| – Tự sự | – Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử |
|  |  |

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên kiểu văn bản** | **Yêu cầu cụ thể** |
| – Tự sự | – Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử |
| - Biểu cảm | - Bước đầu biết làm bài thơ bốn chữ, năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ  - Biểu cảm về con người hoặc sự việc |
| - Nghị luận | - Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (nghị luận xã hội) và phân tích đặc điểm nhân vật (nghị luận văn học) |
| - Thuyết minh | * Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi |

**Câu 6:Nêu các bước tiến hành viết một văn bản theo thứ tự trước sau, chỉ ra nhiệm vụ của mỗi bước**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thứ tự các bước** | **Nhiệm vụ cụ thể** |
| – **Bước 1:** Chuẩn bị | – **Xác định đề tài:** Viết về cái gì? Viết về ai?  … |
|  |  |

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thứ tự các bước** | **Nhiệm vụ cụ thể** |
| – **Bước 1:Chuẩn bị** | – **Xác định đề tài:** Viết về cái gì? Viết về ai?  – **Xác định mục đích viết:**  + Kể lại sự việc, miêu tả sự vật và bộc lộ tình cảm, cảm xúc  + Bàn luận, thuyết phục  + Cung cấp thông tin, hướng dẫn hoạt động  – **Xác định kiểu văn bản:**  **+** Tự sự hay miêu tả?  + Nghị luận hay biểu cảm?  + Thuyết minh hay nhật dụng?  – **Thu thập tư liệu:**  + Trong thực tế  +Trên sách, báo, internet |
| – **Bước 2:Tìm ý và lập dàn ý** | - Tìm ý cho bài viết và phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi, sắp xếp các ý có một bố cục rành mạch, hợp lí.   |  |  | | --- | --- | | **Đối với kiểu văn bản** | **Cách tìm ý** | | **Tự sự** | Ai là người kể chuyện? Kể chuyện gì?Ở đâu? Khi nào? Có những ai? Chuyện bắt đầu từ đâu? Từ việc gì? Diễn biến thế nào? Hành động và lời nói của các nhân vật thế nào? Kết thúc câu chuyện ra sao? | | **Miêu tả** | Tả đối tượng nào (người, vật, phong cảnh hay cảnh sinh hoạt…)? Đối tượng ấy có đặc điểm gì và được thể hiện qua những phương diện nào? | | **Biểu cảm** | Biểu cảm về ai, cái gì, sự việc gì? Con người, sự vật, sự việc ấy gợi cho em cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học, kinh nghiệm sống gì?  … | | **Thuyết minh** | **Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi**  Giới thiệu hoạt động, trò chơi đó là gì?Diễn ra ở đâu? Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai? Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy ? Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? | | **Nghị luận** | **Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật**  - Đặc điểm nhân vật được khắc họa từ những phương diện nào (nguồn gốc, hình dáng bên ngoài, lời nói, hành động, nhận xét của các nhân vật khác)  - Nhận xét của em về nhân vật…là người như thế nào?  - Nhân vật để lại trong em những ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì? |   **- Lập dàn ý**( có thể bằng sơ đồ tư duy) đầy đủ 3 bước: Mở bài, thân bài, kết bài. |
| ***-* Bước 3: Viết** | Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, đoạn văn , bài văn hoàn chỉnh. Chú ý dùng từ, đặt câu, viết chính tả cho chính xác, trong sáng, giàu hình ảnh, biểu cảm, sử dụng các biện pháp tu từ, kết hợp với việc sử dụng hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu…phù hợp với yêu cầu của mỗi kiểu văn bản; có sự mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau. |
| **- Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa** | Kiểm tra lại văn bản để xem có đạt các yêu cầu đã nêu trong bảng kiểm chưa và cần sữa chữa gì không.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí**  **kiểm tra** | **Câu hỏi kiểm tra** | **Lỗi**  **cụ thể** | | Nội dun g | - Nội dung văn bản viết đã đầy đủ chưa  - Các ý trong bài có chính xác không?  - Nội dung các phần trong bài văn đã thống nhất chưa?  - Có nội dung nào mới mẻ, độc đáo không? |  | | Hình thức | - Bài văn có đủ ba phần chưa?  - Sắp xếp các ý đã hợp lý chưa?  - Có lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu không?  - Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không?  - Trình bày: chữ viết, xuống dòng và độ dài văn bản có đúng không? |  | |

**Câu 7:Nêu một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi ( Gợi ý: về mục đích, nội dung, hình thức, lời văn…)**

**Gợi ý**

**Một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học** | **Văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi** |
| **Mục đích** | Thuyết phục người đọc người nghe về một vấn đề văn học (đặc điểm nhân vật) | Cung cấp thông tin giới thiệu luật lệ quy tắc của một hoạt động hay trò chơi |
| **Nội dung** | - Giới thiệu, miêu tả và nêu nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm…của nhân vật | Giới thiệu những quy định mà thành viên tham gia các hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ |
| **Hình thức** | * Ý kiến * Lí lẽ * Bằng chứng | * Đặc điểm * Cách triển khai… |
| **Lời văn** | * Mang tính chủ quan của người nói, người viết | - Mang tính khách quan , chân thực |

**Nhiệm vụ 6: Củng cố tri thức đã học về rèn kĩ năng nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện kĩ năng nói và nghe

trong sách Ngữ Văn 7, tập một

- Nắm được các bước tiến hành luyện kĩ năng nói và nghe và nhiệm vụ của từng bước

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi qua phiếu học tập câu 8  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 8:** Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ Văn 7, tập một. Chứng minh nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết. |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 8: Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ Văn 7, tập một. Chứng minh nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết.**

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kĩ năng** | **Nội dung** |
| **Nói** | * Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống * Giải thích quy tắc hay luật lệ của một hoạt động hay trò chơi |
| **Nghe** | * Tóm tắt nội dung trình bày của người khác |
| **Nói nghe tương tác** | * Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt * Thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi |

=> Học nói học nghe sẽ giúp chúng ta rèn luyện kĩ năng tiếp thu nội dung thông tin cả về thái độ và tình cảm khi nghe và nói, vận dụng vào trong bài viết của mình và rút được bài học khi đọc hiểu vấn đề

**\* Chứng minh nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nói - Nghe** | | **Đọc hiểu** | **Viết** |
| **Nói** | **Nghe** |
| * Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống * Trao đổi, thảo luận nhóm về một vấn đề | Tóm tắt nội dung trình bày của người khác | Văn bản nghị luận văn học:  - Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng)  - Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đinh Trọng Lạc)  - Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên)  - Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương) | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật |
| * Giải thích quy tắc hay luật lệ của một hoạt động hay trò chơi | Văn bản thông tin:  - Ca Huế (Theo dsvh.gvo.vn)  - Hội thi thổi cơm (Theo dulichvietnam.org.vn)  - Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang (Theo Phi Trường Giang)  - Trò chơi dân gian của người Khmer Nam bộ (Theo baocantho.com.vn) | Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi |

**Nhiệm vụ 7: Củng cố tri thức đã học về tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách Ngữ Văn 7, tập một

+ Từ địa phương

+ Các biện pháp tu từ như so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ

+ Số từ và phó từ

+ Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị

+ Mở rộng trạng ngữ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi qua phiếu học tập câu 9  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 9:**Liệt kê tên các nội dung thực hành tiếng Việt được học trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau: |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 9:Liệt kê tên các nội dung thực hành tiếng Việt được học trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Tên nội dung tiếng Việt** |
| – **Bài 2**: Thơ bốn chữ, năm chữ | – Các biện pháp tu từ như so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ  –… |
|  |  |

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Tên nội dung tiếng Việt** |
| * **Bài 1:** Tiểu thuyết và truyện ngắn | * Từ địa phương |
| * **Bài 2**: Thơ bốn chữ, năm chữ | – Các biện pháp tu từ như so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ |
| *-* **Bài 3**: Truyện khoa học viễn tưởng | - Số từ và phó từ |
| - **Bài 4**: Nghị luận văn học | - Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị |
| **- Bài 5**: Văn bản thông tin | - Mở rộng trạng ngữ |

**3. HĐ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a) Mục tiêu**:

Giúp HS làm quen với dạng bài đánh giá tổng hợp cuối hk I

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi “Ai là triệu phú”

**(Hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì I (sgk/122))**

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phổ biến luật chơi ***“Ai là triệu phú”***  Hs bình chọn người chơi  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **(Hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì I (sgk/122))** |

**\* Đọc hiểu**: **Đọc hai khổ thơ sau và ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6)**

“Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu”

(Trích *“Sang thu”* – Hữu Thỉnh)

1. Hai khổ thơ trên có sự kết hợp giữa phương thức biểu cảm và phương thức nào?

A. Tự sự B.Thuyết minh C. Miêu tả D. Nghị luận

2. Các dòng trong hai khổ thơ chủ yếu được ngắt nhịp như thế nào?

A.2/2/1 B. 2/3 C.1/2/2 D.3/2

3. Trong hai khổ thơ những tiếng nào bắt vần với nhau?

A. Ổi – se B. Ngõ – về C. Vã – hạ D. Dàng – hạ

4. Hai khổ thơ trên viết về điều gì?

A. Sự chuyển biến của đất trời khi thu sang

B. Vẻ đẹp của cây cối khi mùa thu về

C. Nỗi buồn của con người trước cảnh thu

D. Sự vui mừng của tác giả khi mùa thu về

5. Các từ “chùng chình, dềnh dàng, vội vã” được xếp vào nhóm từ láy nào?

A. Láy âm đầu

B. Láy vần

C. Láy âm đầu và vần

D. Láy âm đầu và thanh

6. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong hai khổ thơ trên?

A.So sánh

B. Hoán dụ

C.Nhân hóa

D. Ẩn dụ

**b. Đọc đoạn trích sau và ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 7 đến câu 10)**

**QUY TẮC VÀNG KHI SỬ DỤNG THANG MÁY**

**1. Đứng bên phải:** hãy nhớ rằng khi chờ thang máy bạn nên đứng cách xa cửa thang máy ở bên phải tối thiểu 1m để người bên trong có thể nhanh chóng ra ngoài; chỉ bước vào trong thang máy khi không còn ai bước ra ngoài.

**2. Nhấn nút giữ cửa thang máy nếu bạn đứng gần:** Có rất nhiều tranh luận xoay quanh vấn đề có nên giữ cửa hay không. Nhưng theo chúng tôi thì có. Bởi trong thang máy, người ở bên trong không dễ dàng gì ra bên ngoài, hãy giữ cửa cho đến khi chắc chắn không còn ai bước ra hoặc vào trong thang máy nữa.

**3. Đừng cố gắng bước vào bên trong thang máy khi thang máy đã chật người.**

**4. Sẵn sàng nhấn nút cho một người khác:** nếu bạn đứng gần bảng điều khiển, hãy luôn sẵn sàng bấm nút hộ người khác khi họ có nhu cầu.

**5. Di chuyển đến phía sau:** khi bước vào thang máy nhanh chóng vào phía sau, bên trong để mọi người đến sau có thể dễ dàng bước vào. […]

**6. Nhanh chóng ra khỏi thang máy:** khi thang máy dừng tầng tại vị trí bạn muốn đến, hãy nhanh chóng bước ra khỏi thang máy một cách trật tự. Nếu bạn ở phía sau đừng ngại ngần nói rằng: “Xin lỗi cho tôi nhờ một chút!”. […]

(Theo atvin.com.vn)

**7. Văn bản “Quy tắc vàng khi sử dụng thang máy” nói về điều gì?**

A. Giới thiệu các loại thang máy khác nhau

B. Nêu lên các quy tắc cần chú ý khi sử dụng thang máy

C. Giới thiệu những ưu điểm và hạn chế của việc đi thang máy

D. Cảnh báo những nguy hiểm và bất lợi khi đi thang máy

**8. Phương án nào nêu đúng căn cứ để xác định đoạn trích trên là văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc của một hoạt động**

A. Nêu lên các biểu hiện đa dạng phong phú về các loại thang máy

B. Nêu lên các lí do vì sao nên đi thang máy nơi công cộng

C. Nêu lên các quy tắc cần chú ý khi đi thang máy nơi công cộng

D. Nêu lên tác dụng và vai trò của thang máy trong các tòa nhà công cộng

**9. Phương án nào nêu được cách tóm tắt đầy đủ các quy tắc khi đi thang máy?**

A. Đọc kĩ tất cả các tiêu đề mở đầu được in đậm của mỗi mục

B. Đọc kĩ nhan đề của văn bản: “Quy tắc vàng khi sử dụng thang máy”

C. Đọc kĩ phần mở đầu của văn bản: “Đứng bên phải…”

D. Đọc kĩ phần kết thúc của văn bản: “Nhanh chóng ra khỏi thang máy…”

**10. Thông tin quan trọng được nêu lên trong đoạn trích trên là gì?**

A.Yêu cầu các tòa nhà chung cư hiện đại cần có thang máy

B. Yêu cầu về không gian và thời gian khi sử dụng thang máy

C. Cần chú ý các quy tắc khi sử dụng thang máy nơi công cộng

D. Cần chú ý quy định về phòng chống cháy nổ khi sử dụng thang máy

**\* Viết (sgk/124)**

**Chọn một trong hai đề sau để viết thành đoạn hoặc bài văn ngắn**

**Đề 1:** Phân tích đặc điểm một nhân vật trong tác phẩm truyện đã học ở sách Ngữ Văn 7, tập 1 mà em có ấn tượng và yêu thích.

## Dàn ý

## Phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học

* **Mở bài:**

Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Giới thiệu nhân vật cần phân tích: có thể giới thiệu đôi nét về tác giả hoặc hoàn cảnh sáng tác/ nội dung chính của tác phẩm có nhân vật cần phân tích rồi sau mới giới thiệu nhân vật. Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.

* **Thân bài:**

Giới thiệu đôi nét về hoàn cảnh xuất hiện của nhân vật (nếu có).

Nêu những đặc điểm về ngoại hình lãn tính cách của nhân vật rồi phân tích, chứng mình từng đặc điểm đó.

(lưu ý: mỗi đặc điểm ta sẽ triển khai thành một đoạn văn theo hướng diễn dịch với câu chủ đề nêu lên đặc điểm của nhân vật.) Cụ thể:

Nêu đặc điểm thứ nhất của nhân vật:

Viết câu chủ đề nêu đặc điểm thứ nhất của nhân vật.

Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ. (Cố gắng học thuộc lòng các chi tiết chính, quan trọng và trích dẫn trực tiếp thì bài viết sẽ có giá trị hơn)

Chuyển ý sang đặc điểm thứ hai.

Nêu đặc điểm thứ hai của nhân vật:

(cách làm 3 bước tương tự như đặc điểm thứ nhất)

Cứ làm như thế cho tới đặc điểm cuối cùng của nhân vật.

Đánh giá về nhân vật:

Nhân vật đó tượng trưng cho lớp người nào trong xã hội? qua nhân vật đó tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta bức thông điệp gì?

Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc? (cách xây dựng nhân vật, ngon ngữ miêu tả, tự sự, đối thoại, độc thoại nội tâm, v.v.)

Qua nhân vật đó ta thấy tác giả là người như thế nào?

* **Kết bài:**

Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật

Liên hệ bản thân (nếu có)

**Đề 2:** Viết đoạn văn (khoảng 15-20 dòng) nêu suy nghĩ và cảm xúc của em sau khi đọc hai khổ thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh nêu trên.

### ****Dàn ý****

**1, Mở đoạn**

    – Giới thiệu tác giả tác phẩm: bài thơ là một tác phẩm hay, độc đáo, mới lạ về đề tài mùa thu.

    – Giới thiệu suy nghĩ và cảm xúc của em về 2 khổ thơ đầu: Cảnh sắc giao mùa khi đất trời chuyển từ mùa hạ sang mùa thu.

**2, Thân đoạn**

*a, Cảm nhận của em về những biểu hiện đầu tiên của mùa thu*

    – Những tín hiệu vô hình trong thiên nhiên:

    + Hương ổi: mùi hương bình dị, dân dã đặc trưng của mùa thu miền Bắc khi mùa ổi chín.

    + Động từ “phả”: sự lan tỏa, trộn lẫn: gợi tả về một không gian dường như mang cả hương thơm của mùa thu, của sự trong lành

    + Gió se: gió hơi lạnh, khô, là gió heo may của mùa thu, không phải cơn gió nam của mùa xuân hay gió bắc mùa đông.

    + Sương: hiện tượng ngưng tụ hơi nước khi thời tiết chuyển lạnh vào buổi tối và sáng sớm.

    + Động từ “chùng chình”: chuyển động chậm rãi, thong thả, nhân hóa cho hình ảnh, sương như có tâm hồn.

    – Cảm xúc của tác giả:

    + Giật mình nhận ra mùa thu đang về qua từ “bỗng”

    + Câu hỏi tu từ “Hình như thu đã về”: sự ngỡ ngàng, khó tin, tâm hồn thi sĩ cũng như biến chuyển cùng đất trời.

⇒ Tác giả sử dụng những hình tượng vô hình, chỉ cảm nhận được qua khứu giác, cảm giác chứ không nhìn thấy, không cầm nắm được. Đây là một điểm đặc biệt so với việc dùng những hình ảnh quen thuộc để nói về mùa thu như hoa sữa, quả hồng, cốm non,… cho thấy sự tinh tế trong cảm xúc của tác giả.

*b, Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên trong thời khắc giao mùa*

    – Hình ảnh đối lập: sông “dềnh dàng” với chim “vội vã”. Dòng sông vào mùa thu bắt đầu chảy chậm rãi, đã qua rồi những cơn bão hè khiến sông cuộn trào. Chim thì lại vội vã bay về phương Nam tránh rét

    – Hình ảnh đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu: một hình ảnh liên tưởng sự níu kéo, lưu luyến của mùa hạ, gợi tả vẻ đẹp bầu trời đặc biệt. Một sắc mây không còn nóng bỏng đầy nắng của mùa hè nhưng cũng chưa nhẹ nhàng thanh thoát của mùa thu.

⇒ Thiên nhiên giao mùa đẹp kì lạ, độc đáo

**3, Kết đoạn**

    – Hai khổ thơ cho thấy: tâm hồn nhạy cảm của nhà thơ, vẻ đẹp của khoảnh khắc giao mùa.

    – Nghệ thuật: sử dụng hình ảnh, nhân hóa, liên tưởng.

* Suy nghĩ, cảm xúc của bản thân em.

3. Chuẩn bị kiểm tra chất lượng cuối học kì I.

**H. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 7 – *Cánh diều*

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**I. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**